

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Dũng và bà Trương Thị Ngọc Giàu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Hồng L** – sinh năm 1998

Địa chỉ: Số nhà 144/2, Tổ x, Ấp B.M, xã P.T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** **Nguyễn Minh T** – sinh năm 1996

Địa chỉ: Tổ y, Khu z, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2020 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện sống chung từ đầu năm 2016, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T.P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên có xảy ra cãi nhau, bản thân anh T thường hay ghen, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị. Anh chị đã ly thân từ giữa năm 2017 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh.

- Về con chung: Chị L trình bày anh chị có 01 (Một) con chung là Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 01/9/2016, hiện nay cháu đang ở với chị L. Chị khởi kiện yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị L trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 12 tháng 3 năm 2020, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh T thừa nhận anh chị kết hôn tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định là đúng sự thật. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau nên đã ly thân từ tháng 9/2017 đến nay, đã tự hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn với chị L.

- Về nuôi con: Anh T thừa nhận anh chị có 01 (Một) con chung là Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 01/9/2016. Anh đồng ý giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Thu, tạm thời anh chưa phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Anh T trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của các đương sự (Bản sao), Trích lục kết hôn (Bản sao), Trích lục khai sinh con chung (Bản sao), Giấy xác nhận hộ khẩu thường trú bị đơn. Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ trên cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của các đương sự, Đơn không yêu cầu hòa giải của anh T; Biên bản xác minh của Tòa án. Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị L. Về hôn nhân: Cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi con chung, tạm thời anh T chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản: Chị L và anh T trình bày anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh T, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị L là nguyên đơn và anh T là bị đơn, được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên hòa giải nhưng có đơn giải quyết vắng mặt, bị đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T.P, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 07/7/2016. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị L trình bày trong quá trình chung sống thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cự cãi, không tin tưởng lẫn nhau, anh còn chửi bới, đánh đập chị. Từ giữa năm 2017 đến nay thì anh chị đã không còn chung sống, đã nói chuyện để hòa giải nhưng không thành. Anh T trình bày thừa nhận anh chị có mâu thuẫn nên đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị L và anh T đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị L và anh T trình bày thỏa thuận chị L tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 01/9/2016, tạm thời anh T chưa phải cấp dưỡng cho con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về nuôi con chung tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi anh chị không còn chung sống, con chung đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị có trách nhiệm chăm sóc và đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Căn cứ Điều

81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về tài sản: Chị L và anh T trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng L trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 01/9/2016, tạm thời anh T chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Minh T trình bày anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**2.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005794 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

**3.** Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**4.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn T.P (Số 93, ngày 07/7/2016) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Tùng**